UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ KỲ THƯỢNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 652/QĐ-UBND	*Kỳ Thượng, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt các chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú; định mức và kinh phí cho nhân viên cấp dưỡng và người quản lý học sinh theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND học kỳ I, năm học 2026 - 2027 (từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ THƯỢNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025 - 2026 đến năm học 2030-2031;

Căn cứ Hướng dẫn số 456/SGDĐT-KHTC ngày 05/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh V/v hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND, ngày 19/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 01/8/2026 của UBND Tỉnh Quảng Ninh về Phê duyệt danh sách thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030;

Xét đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội tại tờ trình số: 108/TTr-VHXH ngày 23/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú; định mức và kinh phí cho nhân viên cấp dưỡng và người quản lý học sinh bán trú theo Nghị quyết

93/2025/NQ-HĐND học kỳ I, năm học 2026-2027 (từ tháng 09/2026 đến tháng 12/2026), cụ thể:

1. Chính sách đối với học sinh:

1.1. Hỗ trợ tiền ăn:

- Cấp Mầm non: 470 học sinh ăn trưa; hưởng chế độ từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026. Mức hưởng 360.000đ/học sinh/tháng (*Biểu 01 kèm theo*).

- Cấp tiểu học (bán trú ngày): 507 học sinh; Hưởng chế độ từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026; mức hưởng 400.000đ/tháng/học sinh (*Biểu 02 kèm theo*).

- Cấp THCS (bán trú tuần): 108 học sinh; hưởng chế độ từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026. Mức hưởng 936.000đ/học sinh/tháng (*Biểu 03 kèm theo*).

1.2. Hỗ trợ tiền điện: (*Biểu số 4 kèm theo*)

- Cấp mầm non: 470 học sinh, định mức 5KW (2.238KW)/học sinh/tháng, thời gian thực hiện từ tháng 9 đến tháng 12/2026.

- Cấp tiểu học (bán trú ngày): 507 học sinh, định mức 6KW (2.238KW)/học sinh/tháng, thời gian thực hiện từ tháng 9 đến tháng 12/2026.

- Cấp THCS (bán trú tuần): 108 học sinh, định mức 15KW (2.238KW)/học sinh/tháng, thời gian thực hiện từ tháng 9 đến tháng 12/2026.

2. Kinh phí quản lý bán trú, nhân công cấp dưỡng (*Biểu 05 kèm theo*)

2.1. Cấp Mầm non:

- Nhân công cấp dưỡng: 13 định mức, mước hưởng 4.680.0000đ/định mức/tháng, thời gian thực hiện từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026.

2.2. Cấp Tiểu học (Bán trú ngày):

+ Nhân công cấp dưỡng: 15 định mức, mức hưởng 2.340.000đ/định mức/tháng, thời gian thực hiện từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026.

+ Quản lý bán trú: 15 định mức, mức hưởng 2.340.000đ/định mức/tháng, thời gian thực hiện từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026.

2.3. Cấp THCS (Bán trú tuần):

+ Nhân công cấp dưỡng: 08 định mức, mức hưởng 2.340.000đ/định mức/tháng, thời gian thực hiện từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026.

+ Quản lý bán trú: 08 định mức, mức hưởng 2.340.000đ/định mức/tháng, thời gian thực hiện từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026.

Điều 2. Nguồn kinh phí chi từ sự nghiệp giáo dục đã cấp cho các trường học năm 2026. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã có trách nhiệm thực hiện công khai kết quả phê duyệt và tổ chức thực hiện chính sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ, đúng quy định hiện hành; đồng thời chịu trách nhiệm trong rà soát, đề xuất theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thời gian thực hiện từ tháng 09 năm 2026 đến tháng 12 năm 2026.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng Phòng Kinh tế; Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội; Hiệu trưởng trường Mầm non, các trường Phổ thông trên địa bàn xã và các cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND xã (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, VHXH.

Ký bởi: Mễ Thị Tiên

Ký bởi: Bùi Xuân Cảnh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Đăng